

Số: 1161/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp học bổng khuyến khích học tập
cho sinh viên Đại học khóa 13 - Học kỳ 2 năm học 2018-2019

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/07/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-ĐHCN ngày 13/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, về việc ban hành Quy định xét học bổng cho sinh viên;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và biên bản họp xét học bổng ngày 24/10/2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên Đại học khóa 13-Học kỳ 2 thuộc các đối tượng theo quy định (*Danh sách chi tiết kèm theo*).

Với tổng số tiền: **1.067.500.000** đồng

(*Một tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích học tập và thời gian hưởng được thực hiện theo Quyết định số 136/QĐ-ĐHCN ngày 19/02/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, về việc ban hành mức học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên năm học 2018-2019.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Công tác HSSV, Đào tạo, Tổ chức-Hành chính, Tài chính-Kế toán; Trưởng các Khoa có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, CT HSSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Bổng

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2018-2019

HỆ ĐẠI HỌC KHÓA 13 - HỌC KỲ 2

(Kèm theo Quyết định số: 1161/QĐ-ĐHCN ngày 01 tháng 11 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
		CƠ ĐIỆN TỬ					42.500.000	
1	2018605754	Hà Duy Khanh	2018DHCODT03	3.66	XS	TP	5.000.000	
2	2018602588	Nguyễn Trọng Vũ	2018DHCODT02	3.58	XS	BP	2.500.000	
3	2018603812	Nguyễn Tuấn Hải	2018DHCODT02	3.53	XS	BP	2.500.000	
4	2018605869	Cáp Trọng Minh	2018DHCODT03	3.53	XS	BP	2.500.000	
5	2018605341	Nguyễn Khắc Thanh	2018DHCODT03	3.53	XS	BP	2.500.000	
6	2018600921	Mai Tuấn Anh	2018DHCODT01	3.42	XS	BP	2.500.000	
7	2018601363	Phan Anh Tú	2018DHCODT01	3.37	XS	BP	2.500.000	
8	2018601678	Nguyễn Quang Sáng	2018DHCODT02	3.37	XS	BP	2.500.000	
9	2018603770	Nguyễn Xuân Tuyên	2018DHCODT02	3.37	XS	BP	2.500.000	
10	2018606424	Cù Huy Hiệp	2018DHCODT04	3.35	XS	BP	2.500.000	
11	2018606015	Nguyễn Văn Thành	2018DHCODT03	3.34	XS	BP	2.500.000	
12	2018601451	Lê Văn Tuyên	2018DHCODT01	3.29	XS	BP	2.500.000	
13	2018605672	Tạ Gia Minh	2018DHCODT03	3.29	XS	BP	2.500.000	
14	2018606517	Đỗ Đắc Cao	2018DHCODT04	3.29	XS	BP	2.500.000	
15	2018605673	Phạm Ngọc Hiếu	2018DHCODT03	3.24	XS	BP	2.500.000	
16	2018600513	Hà Duy Thành	2018DHCODT01	3.21	XS	BP	2.500.000	
		CNKT CƠ KHÍ					75.000.000	
1	2018606790	Nguyễn Đức Hải	2018DHCOKH07	3.62	XS	TP	5.000.000	
2	2018606704	Nguyễn Văn Trường	2018DHCOKH07	3.62	XS	TP	5.000.000	
3	2018600022	Lê Đình Tuấn Anh	2018DHCOKH01	3.55	XS	BP	2.500.000	
4	2018606307	Phan Mạnh Cường	2018DHCOKH06	3.54	XS	BP	2.500.000	
5	2018603349	Ngô Văn Tuấn	2018DHCOKH03	3.5	XS	BP	2.500.000	
6	2018605950	Triệu Đình Thái	2018DHCOKH05	3.46	XS	BP	2.500.000	
7	2018605714	Bùi Trường Vũ	2018DHCOKH05	3.43	XS	BP	2.500.000	
8	2018604426	Chu Phan Thìn	2018DHCOKH03	3.42	XS	BP	2.500.000	
9	2018605262	Phạm Văn Long	2018DHCOKH04	3.4	XS	BP	2.500.000	
10	2018605490	Bùi Trọng Cường	2018DHCOKH04	3.39	XS	BP	2.500.000	
11	2018600911	Mai Quang Duy	2018DHCOKH02	3.38	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
12	2018606511	Đặng Tuấn Thành	2018DHCOKH07	3.38	XS	BP	2.500.000	
13	2018600391	Nguyễn Văn Hà	2018DHCOKH01	3.35	XS	BP	2.500.000	
14	2018603746	Nguyễn Long Biên	2018DHCOKH03	3.35	XS	BP	2.500.000	
15	2018606223	Dương Thế Anh	2018DHCOKH06	3.35	XS	BP	2.500.000	
16	2018605420	Bùi Anh Đức	2018DHCOKH04	3.31	XS	BP	2.500.000	
17	2018606370	Bùi Văn Trung	2018DHCOKH06	3.31	XS	BP	2.500.000	
18	2018603901	Nguyễn Văn Huy	2018DHCOKH03	3.28	XS	BP	2.500.000	
19	2018600553	Lê Trọng Hiếu	2018DHCOKH01	3.27	XS	BP	2.500.000	
20	2018605290	Nguyễn Hồng Quân	2018DHCOKH04	3.27	XS	BP	2.500.000	
21	2018605503	Nguyễn Đình Bảo Trường	2018DHCOKH04	3.27	XS	BP	2.500.000	
22	2018605706	Mai Hữu Tuyển	2018DHCOKH05	3.27	XS	BP	2.500.000	
23	2018606582	Nguyễn Văn Thanh	2018DHCOKH07	3.27	XS	BP	2.500.000	
24	2018606143	Lê Văn Quang	2018DHCOKH06	3.25	XS	BP	2.500.000	
25	2018605492	Phan Tiến Lộ	2018DHCOKH04	3.23	XS	BP	2.500.000	
26	2018606330	Nguyễn Tiến Đại	2018DHCOKH06	3.23	XS	BP	2.500.000	
27	2018606608	Lê Doãn Hiên	2018DHCOKH07	3.23	XS	BP	2.500.000	
28	2018606242	Hoàng Đức Phúc	2018DHCOKH06	3.23	XS	BP	2.500.000	
		CNKT Ô TÔ					75.000.000	
1	2018600141	Trịnh Huy Hoàng	2018DHKTOT01	3.45	XS	BP	2.500.000	
2	2018606791	Nguyễn Đức Huy	2018DHKTOT07	3.42	XS	BP	2.500.000	
3	2018605783	Phạm Văn Huy	2018DHKTOT05	3.33	XS	BP	2.500.000	
4	2018605458	Trần Minh Hoàng	2018DHKTOT04	3.23	XS	BP	2.500.000	
5	2018601430	Đặng Đình Thành	2018DHKTOT02	3.2	XS	BP	2.500.000	
6	2018605617	Lê Tuấn Long	2018DHKTOT04	3.2	XS	BP	2.500.000	
7	2018601634	Nguyễn Văn Đạt	2018DHKTOT02	3.16	XS	BP	2.500.000	
8	2018606105	Phùng Văn Việt	2018DHKTOT06	3.15	XS	BP	2.500.000	
9	2018600165	Phạm Quốc Cường	2018DHKTOT01	3.08	XS	BP	2.500.000	
10	2018604653	Võ Công Tuyển	2018DHKTOT03	3.08	XS	BP	2.500.000	
11	2018604017	Phạm Hồng Thái	2018DHKTOT03	3.06	XS	BP	2.500.000	
12	2018600477	Nguyễn Mạnh Toàn	2018DHKTOT01	3.02	XS	BP	2.500.000	
13	2018601056	Vũ Văn Hanh	2018DHKTOT02	3.02	XS	BP	2.500.000	
14	2018605212	Bùi Trung Lập	2018DHKTOT04	3.02	XS	BP	2.500.000	
15	2018605480	Trần Văn Thu	2018DHKTOT04	3.02	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
16	2018605629	Dương Xuân Trường	2018DHKTOT05	3.02	XS	BP	2.500.000	
17	2018605436	Đỗ Văn Đức	2018DHKTOT04	3	XS	BP	2.500.000	
18	2018605776	Đào Hữu Đáng	2018DHKTOT05	3	XS	BP	2.500.000	
19	2018600320	Lưu Văn Quyết	2018DHKTOT01	2.96	XS	BP	2.500.000	
20	2018604962	Đặng Việt Dũng	2018DHKTOT03	2.96	XS	BP	2.500.000	
21	2018606453	Trần Xuân Tuấn Minh	2018DHKTOT06	2.96	XS	BP	2.500.000	
22	2018600291	Nguyễn Quang Minh	2018DHKTOT01	2.95	XS	BP	2.500.000	
23	2018605234	Nguyễn Đức Đạt	2018DHKTOT04	2.95	XS	BP	2.500.000	
24	2018605964	Phan Văn Nam	2018DHKTOT05	2.95	XS	BP	2.500.000	
25	2018603717	Bùi Quốc Việt	2018DHKTOT03	2.94	XS	BP	2.500.000	
26	2018601015	Nguyễn Quốc Huy	2018DHKTOT02	2.92	XS	BP	2.500.000	
27	2018605868	Hà Mạnh Cường	2018DHKTOT05	2.92	XS	BP	2.500.000	
28	2018600424	Vũ Ngọc Anh	2018DHKTOT01	2.91	XS	BP	2.500.000	
29	2018600198	Nguyễn Đức Mạnh	2018DHKTOT01	2.9	XS	BP	2.500.000	
30	2018605069	Nguyễn Văn Đạt	2018DHKTOT03	2.88	XS	BP	2.500.000	
		CN THỰC PHẨM					15.000.000	
1	2018602385	Hà Thị Thu Hiền	2018DHHTP01	3.47	XS	BP	2.500.000	
2	2018602006	Trần Nguyên Nữ Trà My	2018DHHTP01	3.38	XS	BP	2.500.000	
3	2018602000	Trần Thu Huyền	2018DHHTP01	3.26	XS	BP	2.500.000	
4	2018602987	Trần Thị Liên	2018DHHTP02	3.06	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018602753	Phạm Văn Thăng	2018DHHTP02	3.06	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018602325	Bùi Thị Ngọc Anh	2018DHHTP01	2.97	Tốt	BP	2.500.000	
		CNKT HÓA HỌC					27.500.000	
1	2018602392	Hoàng Thị Chung	2018DHKTHH01	3.08	Tốt	BP	2.500.000	
2	2018600515	Vũ Thị Thu Uyên	2018DHKTHH01	3.08	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018603016	Nguyễn Duy Tiến	2018DHKTHH02	3.08	Tốt	BP	2.500.000	
4	2018603761	Nguyễn Văn Hiếu	2018DHKTHH02	3	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018602536	Nguyễn Nam Ninh	2018DHKTHH01	2.94	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018605166	Trần Thị Phương	2018DHKTHH01	2.89	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018601436	Vũ Thị Thoa	2018DHKTHH01	2.83	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018601563	Trần Thị Thu	2018DHKTHH01	2.78	Tốt	BP	2.500.000	
9	2018604505	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	2018DHKTHH03	2.78	Tốt	BP	2.500.000	
10	2018601030	Lê Thị Huyền Trang	2018DHKTHH01	2.72	Tốt	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
11	2018604120	Nguyễn Thị Huyền	2018DHKTHH03	2.72	Tốt	BP	2.500.000	
		CÔNG NGHỆ MAY					30.000.000	
1	2018601469	Nhữ Thị Yên	2018DHCNMA01	3.5	XS	BP	2.500.000	
2	2018607419	Tổng Thị Hồng	2018DHCNMA03	3.5	XS	BP	2.500.000	
3	2018606951	Phạm Thị Thảo	2018DHCNMA01	3.48	XS	BP	2.500.000	
4	2018607322	Phạm Thị Ngọc	2018DHCNMA02	3.41	XS	BP	2.500.000	
5	2018607286	Khúc Thị Ngọc Oanh	2018DHCNMA02	3.35	XS	BP	2.500.000	
6	2018600764	Bùi Thị Thu	2018DHCNMA01	3.24	XS	BP	2.500.000	
7	2018607330	Nguyễn Thu Hà	2018DHCNMA02	3.24	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018606978	Phạm Thị Thu Hương	2018DHCNMA02	3.21	Tốt	BP	2.500.000	
9	2018607011	Nguyễn Thị Thu Thủy	2018DHCNMA02	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
10	2018607396	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	2018DHCNMA03	3.18	Khá	BP	2.500.000	
11	2018607266	Đỗ Thị Thu	2018DHCNMA02	3.12	Tốt	BP	2.500.000	
12	2018607441	Trần Thị Lan Hương	2018DHCNMA03	3.09	Tốt	BP	2.500.000	
		THIẾT KẾ THỜI TRANG					5.000.000	
1	2018607374	Lê Thị Thúy Nga	2018DHTKTT01	3.15	Tốt	BP	2.500.000	
2	2018607111	Lê Thị Mỹ Nhật	2018DHTKTT01	3.1	Tốt	BP	2.500.000	
		CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					62.500.000	
1	2018605183	Vũ Hữu Thăng	2018DHCNTT06	3.67	XS	TP	5.000.000	
2	2018600855	Lê Thị Thanh Mỹ	2018DHCNTT01	3.65	XS	TP	5.000.000	
3	2018603212	Đào Thị Hồng Phương	2018DHCNTT04	3.65	XS	TP	5.000.000	
4	2018605099	Đậu Thị Huyền	2018DHCNTT06	3.65	XS	TP	5.000.000	
5	2018603525	Trần Thị Thu	2018DHCNTT04	3.63	XS	TP	5.000.000	
6	2018604704	Vũ Xuân Thành	2018DHCNTT06	3.59	XS	BP	2.500.000	
7	2018602090	Nguyễn Thị Huyền Trang	2018DHCNTT03	3.57	XS	BP	2.500.000	
8	2018600269	Nguyễn Viết Hoàng	2018DHCNTT01	3.52	XS	BP	2.500.000	
9	2018602994	Nguyễn Hà Hương Dịu	2018DHCNTT03	3.52	XS	BP	2.500.000	
10	2018602548	Hà Thị Huệ	2018DHCNTT03	3.52	XS	BP	2.500.000	
11	2018603418	Hà Ngọc Ánh	2018DHCNTT04	3.52	XS	BP	2.500.000	
12	2018600228	Phạm Thị Thanh	2018DHCNTT01	3.5	XS	BP	2.500.000	
13	2018602612	Trần Thị Hằng	2018DHCNTT03	3.5	XS	BP	2.500.000	
14	2018601593	Nguyễn Đức Hòa	2018DHCNTT02	3.48	XS	BP	2.500.000	
15	2018603512	Trần Thị Phương Thanh	2018DHCNTT04	3.46	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
16	2018600947	Đỗ Hải Khánh	2018DHCNTT01	3.45	XS	BP	2.500.000	
17	2018600769	Quách Phương Thảo	2018DHCNTT01	3.45	XS	BP	2.500.000	
18	2018604025	Đỗ Thị Huyền Trang	2018DHCNTT05	3.42	XS	BP	2.500.000	
19	2018603202	Tạ Văn Toàn	2018DHCNTT04	3.41	XS	BP	2.500.000	
20	2018603537	Đinh Thị Trang	2018DHCNTT04	3.38	XS	BP	2.500.000	
		HỆ THỐNG THÔNG TIN					20.000.000	
1	2018601416	Hoàng Thị Mai Ảnh	2018DHHTTT01	3.32	XS	BP	2.500.000	
2	2018602481	Phạm Thùy Linh	2018DHHTTT01	3.23	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018604758	Nguyễn Thị Hiền	2018DHHTTT02	3.68	Khá	BP	2.500.000	
4	2018603863	Trần Thị Mai Lê	2018DHHTTT02	3.56	Khá	BP	2.500.000	
5	2018604953	Nguyễn Thị Thu Hiền	2018DHHTTT02	3.32	Khá	BP	2.500.000	
6	2018601999	Đỗ Thị Quyên	2018DHHTTT01	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018605177	Nguyễn Thị Hương	2018DHHTTT02	3.09	Khá	BP	2.500.000	
8	2018603640	Nguyễn Thị Thanh	2018DHHTTT02	3.06	Khá	BP	2.500.000	
		KHOA HỌC MÁY TÍNH					17.500.000	
1	2018604210	Chu Dương Phương Nam	2018DHKHMT02	3.7	XS	TP	5.000.000	
2	2018600012	Phan Ngọc Anh	2018DHKHMT01	3.28	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018604593	Ngô Thị Diệp	2018DHKHMT02	3.24	XS	BP	2.500.000	
4	2018600356	Phạm Văn Hiếu	2018DHKHMT01	3.17	Khá	BP	2.500.000	
5	2018605135	Phạm Văn Thắng	2018DHKHMT02	3.11	Khá	BP	2.500.000	
6	2018601340	Lưu Vũ Tú Trinh	2018DHKHMT01	2.94	Tốt	BP	2.500.000	
		KỸ THUẬT PHẦN MỀM					37.500.000	
1	2018601816	Phạm Thị Hoa	2018DHKTPM01	3.6	XS	TP	5.000.000	
2	2018603672	Nguyễn Thị Hải Yến	2018DHKTPM02	3.47	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018602073	Đinh Thị Huyền	2018DHKTPM01	3.4	XS	BP	2.500.000	
4	2018604750	Lê Thị Hào	2018DHKTPM03	3.4	XS	BP	2.500.000	
5	2018603055	Đào Thị Ninh Bình	2018DHKTPM02	3.31	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018603538	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2018DHKTPM02	3.29	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018602174	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	2018DHKTPM02	3.25	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018604735	Phạm Thanh Nam	2018DHKTPM03	3.62	Khá	BP	2.500.000	
9	2018603371	Phùng Thế Tài	2018DHKTPM02	3.29	Khá	BP	2.500.000	
10	2018604917	Trần Quốc Đạt	2018DHKTPM03	3.22	Khá	BP	2.500.000	
11	2018603651	Lê Tuấn Anh	2018DHKTPM02	3.19	Tốt	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
12	2018602520	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2018DHKTPM02	3.19	Tốt	BP	2.500.000	
13	2018605095	Phạm Tú Anh	2018DHKTPM01	3.17	XS	BP	2.500.000	
14	2018604140	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2018DHKTPM03	3.17	Khá	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ DU LỊCH					22.500.000	
1	2018602654	Nguyễn Phương Thảo	2018DHDULI01	3.63	XS	TP	5.000.000	
2	2018604088	Nguyễn Thị Lan	2018DHDULI02	3.23	XS	BP	2.500.000	
3	2018602799	Đặng Thị Trinh	2018DHDULI01	3	Tốt	BP	2.500.000	
4	2018602393	Nguyễn Thị Vân	2018DHDULI01	3	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018602358	Hoàng Hồng Hải	2018DHDULI01	2.93	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018602674	Nguyễn Thị Diệp	2018DHDULI01	2.86	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018604229	Nguyễn Thị Thùy Trang	2018DHDULI02	2.8	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018602250	Vũ Thị Kim Duyên	2018DHDULI01	2.76	Khá	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN					20.000.000	
1	2018602682	Nguyễn Thị Hồng Ánh	2018DHQTKS01	3.57	XS	BP	2.500.000	
2	2018600681	Nguyễn Thị Hiền	2018DHQTKS01	3.5	XS	BP	2.500.000	
3	2018604167	Đinh Thị Thoa	2018DHQTKS02	3.5	XS	BP	2.500.000	
4	2018604264	Hoàng Ánh Diệp	2018DHQTKS02	3.44	XS	BP	2.500.000	
5	2018604294	Đỗ Thị Lan	2018DHQTKS02	3.39	XS	BP	2.500.000	
6	2018603507	Lê Thị Kiều Trang	2018DHQTKS02	3.29	XS	BP	2.500.000	
7	2018603854	Hoàng Thị Thu Trang	2018DHQTKS02	3.24	XS	BP	2.500.000	
8	2018603849	Nguyễn Thị Thúy	2018DHQTKS02	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ LỮ HÀNH					25.000.000	
1	2018604483	Phạm Thị Xuân	2018DHQTLH02	3.34	XS	BP	2.500.000	
2	2018601940	Nguyễn Thị Thùy Dung	2018DHQTLH01	3.19	XS	BP	2.500.000	
3	2018602698	Mai Thị Hồng Khuyên	2018DHQTLH01	3.19	Tốt	BP	2.500.000	
4	2018604312	Lương Thị Thảo	2018DHQTLH02	3.19	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018604432	Phạm Thị Kiều Anh	2018DHQTLH02	3.06	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018602962	Đinh Thị Mai Lan	2018DHQTLH02	3.03	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018603900	Phạm Thị Ngọc Anh	2018DHQTLH02	3	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018602683	Nguyễn Thị Hương	2018DHQTLH01	2.97	Tốt	BP	2.500.000	
9	2018601802	Trần Thị Mai	2018DHQTLH01	2.97	Tốt	BP	2.500.000	
10	2018604069	Lương Thị Bích Ngọc	2018DHQTLH02	2.97	Tốt	BP	2.500.000	
		CNKT ĐIỆN					75.000.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
1	2018606498	Nguyễn Nhân Thái	2018DHDIEN07	3.66	XS	TP	5.000.000	
2	2018605933	Mai Quốc Long	2018DHDIEN06	3.53	XS	BP	2.500.000	
3	2018605874	Nguyễn Đình Lượng	2018DHDIEN06	3.53	XS	BP	2.500.000	
4	2018601922	Bùi Văn Đoàn	2018DHDIEN03	3.37	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018605760	Nguyễn Thị Việt Hồng	2018DHDIEN05	3.34	XS	BP	2.500.000	
6	2018605264	Lê Văn Minh	2018DHDIEN04	3.32	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018605771	Nguyễn Văn Tuấn	2018DHDIEN05	3.26	XS	BP	2.500.000	
8	2018606562	Nguyễn Hồng Duy	2018DHDIEN07	3.26	Tốt	BP	2.500.000	
9	2018603550	Phạm Phú Linh	2018DHDIEN03	3.21	Tốt	BP	2.500.000	
10	2018604501	Đặng Thị Phương Anh	2018DHDIEN04	3.21	Tốt	BP	2.500.000	
11	2018605378	Thân Thị Hương Lan	2018DHDIEN04	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
12	2018606635	Nguyễn Hoàng Long	2018DHDIEN07	3.18	Tốt	BP	2.500.000	
13	2018601434	Trương Thị Thắm	2018DHDIEN02	3.13	Tốt	BP	2.500.000	
14	2018604427	Kiều Văn Lộc	2018DHDIEN03	3.13	Tốt	BP	2.500.000	
15	2018605666	Nguyễn Thị Loan	2018DHDIEN05	3.13	Tốt	BP	2.500.000	
16	2018606049	Phạm Tuấn Toàn	2018DHDIEN06	3.13	Tốt	BP	2.500.000	
17	2018606324	Lương Xuân Bắc	2018DHDIEN07	3.11	Tốt	BP	2.500.000	
18	2018606575	Tạ Xuân Khản	2018DHDIEN07	3.11	Tốt	BP	2.500.000	
19	2018605314	Nguyễn Mạnh Quyền	2018DHDIEN04	3.08	Tốt	BP	2.500.000	
20	2018600196	Nguyễn Quang Huy	2018DHDIEN01	3.05	Tốt	BP	2.500.000	
21	2018603406	Hà Long Vũ	2018DHDIEN03	3.05	Tốt	BP	2.500.000	
22	2018605297	Phan Thị Phương Thủy	2018DHDIEN04	3.05	Tốt	BP	2.500.000	
23	2018605650	Trần Văn Dũng	2018DHDIEN05	3.05	Tốt	BP	2.500.000	
24	2018605784	Nguyễn Thị Loan	2018DHDIEN05	3.05	Tốt	BP	2.500.000	
25	2018600400	Đào Văn Thiên	2018DHDIEN01	3.03	Tốt	BP	2.500.000	
26	2018604136	Nguyễn Trọng Hưng	2018DHDIEN03	3.03	Tốt	BP	2.500.000	
27	2018603617	Nguyễn Duy Khánh	2018DHDIEN03	3.03	Tốt	BP	2.500.000	
28	2018605248	Phạm Duy Quảng	2018DHDIEN04	3.03	Tốt	BP	2.500.000	
29	2018605010	Mẫn Văn Phúc	2018DHDIEN04	3	Tốt	BP	2.500.000	
		TỰ ĐỘNG HÓA					50.000.000	
1	2018606460	Nguyễn Xuân Bách	2018DHDKTD02	3.64	XS	TP	5.000.000	
2	2018600017	Vũ Minh Hiếu	2018DHDKTD01	3.52	XS	BP	2.500.000	
3	2018602703	Nguyễn Công Lập	2018DHDKTD02	3.4	Tốt	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
4	2018600412	Trần Tiến Dũng	2018DHDKTD01	3.35	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018605460	Trần Văn Chung	2018DHDKTD03	3.34	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018606490	Võ Thị Tới	2018DHDKTD03	3.33	XS	BP	2.500.000	
7	2018605339	Đặng Lam Trường	2018DHDKTD03	3.33	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018601846	Hoàng Thị Ngọc	2018DHDKTD02	3.2	Tốt	BP	2.500.000	
9	2018606098	Đỗ Văn Huyền	2018DHDKTD01	3.17	Tốt	BP	2.500.000	
10	2018606260	Nguyễn Đức Hoàng	2018DHDKTD02	3.17	Tốt	BP	2.500.000	
11	2018605943	Lê Đức Hoàng	2018DHDKTD04	3.17	Tốt	BP	2.500.000	
12	2018606797	Nguyễn Trí Đạo	2018DHDKTD02	3.15	Tốt	BP	2.500.000	
13	2018603647	Đỗ Đức Trung	2018DHDKTD02	3.15	Tốt	BP	2.500.000	
14	2018605530	Cao Đắc Trai	2018DHDKTD03	3.15	Tốt	BP	2.500.000	
15	2018606469	Đỗ Đăng Khoa	2018DHDKTD02	3.13	Tốt	BP	2.500.000	
16	2018600358	Vũ Việt Dũng	2018DHDKTD01	3.1	Tốt	BP	2.500.000	
17	2018601246	Phạm Quang Linh	2018DHDKTD02	3.1	Tốt	BP	2.500.000	
18	2018601273	Vũ Văn Long	2018DHDKTD02	3.08	XS	BP	2.500.000	
19	2018600350	Bùi Duy Quyết	2018DHDKTD01	3.08	Tốt	BP	2.500.000	
		CNKT NHIỆT					17.500.000	
1	2018605646	Đào Xuân Hiệu	2018DHNHIE02	2.82	Tốt	BP	2.500.000	
2	2018601501	Trần Văn Tuyên	2018DHNHIE01	2.79	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018605792	Nguyễn Đức Thịnh	2018DHNHIE02	2.76	Tốt	BP	2.500.000	
4	2018600267	Trần Quốc Bảo	2018DHNHIE01	2.74	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018604643	Nguyễn Đức Long	2018DHNHIE01	2.74	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018601694	Đoàn Quang Huy	2018DHNHIE01	2.55	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018600976	Hoàng Đức Thắng	2018DHNHIE01	2.52	Tốt	BP	2.500.000	
		CNKT ĐIỆN TỬ					75.000.000	
1	2018601346	Nguyễn Thị Thục Anh	2018DHDTT02	3.79	XS	TP	5.000.000	
2	2018606835	Hoàng Thị Hà	2018DHDTT07	3.61	XS	TP	5.000.000	
3	2018606840	Hoàng Thị Nga	2018DHDTT07	3.61	XS	TP	5.000.000	
4	2018600319	Nguyễn Thị Minh Anh	2018DHDTT01	3.57	XS	BP	2.500.000	
5	2018603741	Phùng Văn Bảo	2018DHDTT03	3.57	XS	BP	2.500.000	
6	2018605710	Hoàng Thị Vinh	2018DHDTT05	3.57	XS	BP	2.500.000	
7	2018602600	Vũ Thị Thuỷ	2018DHDTT02	3.54	XS	BP	2.500.000	
8	2018606081	Đỗ Văn Tuy	2018DHDTT06	3.54	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
9	2018600530	Phạm Như Thuần	2018DHDTTT01	3.5	XS	BP	2.500.000	
10	2018601636	Đào Đức Chung	2018DHDTTT02	3.5	XS	BP	2.500.000	
11	2018604894	Nguyễn Thị Thương Thương	2018DHDTTT03	3.46	XS	BP	2.500.000	
12	2018606836	Ngô Thị Mai	2018DHDTTT07	3.46	Tốt	BP	2.500.000	
13	2018601692	Hoàng Ngọc Long	2018DHDTTT02	3.43	XS	BP	2.500.000	
14	2018606202	Tăng Xuân Biên	2018DHDTTT06	3.43	XS	BP	2.500.000	
15	2018605423	Nguyễn Thị Dịu	2018DHDTTT04	3.39	XS	BP	2.500.000	
16	2018606837	Hoàng Thị Thanh Nga	2018DHDTTT07	3.39	Tốt	BP	2.500.000	
17	2018605265	Lê Quang Thịnh	2018DHDTTT04	3.37	XS	BP	2.500.000	
18	2018600762	Nguyễn Thanh Tùng	2018DHDTTT01	3.36	XS	BP	2.500.000	
19	2018605944	Nguyễn Duy Quang	2018DHDTTT05	3.36	XS	BP	2.500.000	
20	2018606302	Nguyễn Văn Cường	2018DHDTTT06	3.36	XS	BP	2.500.000	
21	2018601271	Đoàn Quang Khởi	2018DHDTTT02	3.29	XS	BP	2.500.000	
22	2018604911	Ngô Ngọc Nam	2018DHDTTT03	3.29	XS	BP	2.500.000	
23	2018605467	Đỗ Ngọc Toàn	2018DHDTTT04	3.29	XS	BP	2.500.000	
24	2018603492	Đinh Thị Huyền	2018DHDTTT03	3.25	XS	BP	2.500.000	
25	2018605657	Đinh Xuân Cường	2018DHDTTT04	3.25	XS	BP	2.500.000	
26	2018604768	Nguyễn Trung Hiếu	2018DHDTTT03	3.24	XS	BP	2.500.000	
27	2018605554	Đoàn Ngọc Mạnh	2018DHDTTT04	3.21	XS	BP	2.500.000	
		CNKT MÁY TÍNH					20.000.000	
1	2018603434	Giang Quốc Thắng	2018DHKTMT01	3.2	Tốt	BP	2.500.000	
2	2018605299	Nguyễn Công Minh	2018DHKTMT02	2.93	XS	BP	2.500.000	
3	2018606265	Trần Công Thành	2018DHKTMT02	2.9	XS	BP	2.500.000	
4	2018606263	Bùi Đức Anh	2018DHKTMT02	2.87	XS	BP	2.500.000	
5	2018604880	Nguyễn Viết Tuyến	2018DHKTMT01	2.8	XS	BP	2.500.000	
6	2018606009	Lê Thành Long	2018DHKTMT02	2.75	XS	BP	2.500.000	
7	2018602503	Vũ Tiến Mạnh	2018DHKTMT01	2.73	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018601545	Nguyễn Tiến Tài	2018DHKTMT01	2.63	Tốt	BP	2.500.000	
		MẠNG MÁY TÍNH					12.500.000	
1	2018602128	Đinh Ngọc Anh	2018DHTTMT01	3.11	XS	BP	2.500.000	
2	2018603386	Đỗ Hương Giang	2018DHTTMT01	3.07	XS	BP	2.500.000	
3	2018600457	Bùi Đức Minh	2018DHTTMT01	2.96	XS	BP	2.500.000	
4	2018602632	Phạm Đức Thiện	2018DHTTMT01	2.89	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
5	2018602041	Bùi Tiến Đức	2018DHTTMT01	2.86	Tốt	BP	2.500.000	
		KẾ TOÁN					112.500.000	
1	2018602903	Vũ Thị Châu	2018DHKETO06	3.85	XS	TP	5.000.000	
2	2018604594	Phạm Thị Anh	2018DHKETO010	3.77	XS	TP	5.000.000	
3	2018602374	Lê Thị Nguyệt	2018DHKETO05	3.77	XS	TP	5.000.000	
4	2018604033	Nguyễn Thị Mai	2018DHKETO08	3.77	XS	TP	5.000.000	
5	2018604540	Trần Khánh Linh	2018DHKETO010	3.7	XS	TP	5.000.000	
6	2018601406	Trần Thị Mai	2018DHKETO02	3.69	XS	TP	5.000.000	
7	2018603880	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2018DHKETO08	3.69	XS	TP	5.000.000	
8	2018603593	Nguyễn Thị Thanh	2018DHKETO08	3.69	XS	TP	5.000.000	
9	2018600841	Hoàng Thị Duy Ninh	2018DHKETO02	3.65	XS	TP	5.000.000	
10	2018602442	Bùi Thị Ngọc Thảo	2018DHKETO05	3.65	XS	TP	5.000.000	
11	2018604450	Đào Thị Vân	2018DHKETO010	3.64	XS	TP	5.000.000	
12	2018604395	Nguyễn Thị Thu Phương	2018DHKETO010	3.62	XS	TP	5.000.000	
13	2018602982	Bùi Thị Tươi	2018DHKETO07	3.62	XS	TP	5.000.000	
14	2018604884	Nguyễn Thị Hiên	2018DHKETO011	3.58	XS	BP	2.500.000	
15	2018602796	Nguyễn Thị Thanh	2018DHKETO06	3.58	XS	BP	2.500.000	
16	2018603057	Nguyễn Thị Thu Trang	2018DHKETO07	3.58	XS	BP	2.500.000	
17	2018603747	Nguyễn Thị Sớm	2018DHKETO08	3.58	XS	BP	2.500.000	
18	2018604385	Phí Ngọc Thư	2018DHKETO010	3.54	XS	BP	2.500.000	
19	2018605170	Nguyễn Hồng Thắm	2018DHKETO011	3.54	XS	BP	2.500.000	
20	2018601805	Nguyễn Thị Thanh Thủy	2018DHKETO03	3.54	XS	BP	2.500.000	
21	2018602930	Lưu Thị Ánh Ngọc	2018DHKETO06	3.54	XS	BP	2.500.000	
22	2018602662	Nguyễn Thị Nhị	2018DHKETO06	3.54	XS	BP	2.500.000	
23	2018600604	Trần Hà My	2018DHKETO01	3.53	XS	BP	2.500.000	
24	2018600578	Nguyễn Thị Mai	2018DHKETO01	3.5	XS	BP	2.500.000	
25	2018604951	Nguyễn Thị Mai	2018DHKETO011	3.5	XS	BP	2.500.000	
26	2018605119	Nguyễn Thị Thanh Thanh	2018DHKETO011	3.5	XS	BP	2.500.000	
27	2018605025	Nguyễn Thị Thúy	2018DHKETO011	3.5	XS	BP	2.500.000	
28	2018602706	Trịnh Thị Vân Anh	2018DHKETO06	3.5	XS	BP	2.500.000	
29	2018602938	Đặng Thị Quỳnh	2018DHKETO06	3.5	XS	BP	2.500.000	
30	2018602929	Đỗ Thị Thoa	2018DHKETO06	3.5	XS	BP	2.500.000	
31	2018603590	Trần Thị Huyền	2018DHKETO08	3.5	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
32	2018603520	Nguyễn Thị Thùy Ánh Trâm	2018DHKETO08	3.5	XS	BP	2.500.000	
		KIỂM TOÁN					20.000.000	
1	2018606860	Nguyễn Thị Thảo	2018DHKIE02	3.82	XS	TP	5.000.000	
2	2018601934	Trương Thị Thu Trà	2018DHKIE01	3.73	XS	TP	5.000.000	
3	2018604851	Triệu Thị Thêm	2018DHKIE02	3.73	XS	TP	5.000.000	
4	2018603789	Nguyễn Thị Minh Luận	2018DHKIE02	3.68	XS	TP	5.000.000	
		KINH TẾ ĐẦU TƯ					7.500.000	
	2018601990	Lê Thị Huyền	2018DHKTDT01	3.07	XS	BP	2.500.000	
2	2018603777	Hoàng Thị Hà Phương	2018DHKTDT01	3	XS	BP	2.500.000	
3	2018603311	Phạm Thị Phương	2018DHKTDT01	2.94	XS	BP	2.500.000	
		MARKETING					12.500.000	
1	2018603447	Lê Thị Lan Anh	2018DHMARK01	3.65	XS	TP	5.000.000	
2	2018602352	Phan Thị Hằng	2018DHMARK01	3.62	XS	TP	5.000.000	
3	2018601147	Bùi Thị Linh	2018DHMARK01	3.54	XS	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ KINH DOANH					72.500.000	
1	2018604852	Nguyễn Thị Phương	2018DHQTKD05	3.68	XS	TP	5.000.000	
2	2018602838	Hồ Thị Hoa	2018DHQTKD05	3.64	XS	TP	5.000.000	
3	2018602259	Nguyễn Thị Quyên	2018DHQTKD03	3.61	XS	TP	5.000.000	
4	2018602604	Nguyễn Thị Vân Anh	2018DHQTKD04	3.61	XS	TP	5.000.000	
5	2018603553	Phạm Thúy Diệu	2018DHQTKD06	3.61	XS	TP	5.000.000	
6	2018603583	Nguyễn Thị Liên	2018DHQTKD06	3.61	XS	TP	5.000.000	
7	2018602091	Đỗ Thị Hương Giang	2018DHQTKD03	3.57	XS	BP	2.500.000	
8	2018604240	Nguyễn Thị Bảo Thoa	2018DHQTKD07	3.57	XS	BP	2.500.000	
9	2018604132	Nguyễn Thị Thúy	2018DHQTKD07	3.57	XS	BP	2.500.000	
10	2018604534	Thân Thị Trang	2018DHQTKD07	3.57	XS	BP	2.500.000	
11	2018601854	Đỗ Thị Giang	2018DHQTKD02	3.54	XS	BP	2.500.000	
12	2018601870	Trần Thị Thu Hường	2018DHQTKD02	3.54	XS	BP	2.500.000	
13	2018602107	Nguyễn Thị Hà	2018DHQTKD03	3.54	XS	BP	2.500.000	
14	2018602204	Hà Thanh Huyền	2018DHQTKD03	3.54	XS	BP	2.500.000	
15	2018604798	Nguyễn Thị Sang	2018DHQTKD03	3.54	XS	BP	2.500.000	
16	2018602248	Nguyễn Thế Thiện	2018DHQTKD03	3.54	XS	BP	2.500.000	
17	2018602514	Trần Thị Thu Hà	2018DHQTKD04	3.54	XS	BP	2.500.000	
18	2018602517	Vũ Thị Thu Hà	2018DHQTKD04	3.54	XS	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
19	2018601810	Vũ Thị Mai Hương	2018DHQTKD02	3.5	XS	BP	2.500.000	
20	2018601455	Bùi Bích Hương	2018DHQTKD02	3.5	XS	BP	2.500.000	
21	2018603896	Nguyễn Thảo Vân	2018DHQTKD06	3.5	XS	BP	2.500.000	
22	2018602577	Trần Mai Ngọc	2018DHQTKD04	3.46	XS	BP	2.500.000	
23	2018603077	Hoàng Thị Thu	2018DHQTKD05	3.46	XS	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ KINH DOANH CLC					5.000.000	
1	2018607188	Hoàng Thị Hồng Ánh	2018DHQTKDCLC01	3.17	XS	BP	2.500.000	
2	2018607186	Nguyễn Thị Hương	2018DHQTKDCLC01	2.93	XS	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ NHÂN LỰC					20.000.000	
1	2018602438	Nguyễn Thị Trang	2018DHQTNL01	3.59	XS	BP	2.500.000	
2	2018604888	Phạm Thị Phương	2018DHQTNL02	3.59	XS	BP	2.500.000	
3	2018601740	Nguyễn Thị Lý	2018DHQTNL01	3.53	XS	BP	2.500.000	
4	2018600663	Nguyễn Thị Xuân	2018DHQTNL01	3.53	XS	BP	2.500.000	
5	2018604218	Nguyễn Thị Lan	2018DHQTNL02	3.5	XS	BP	2.500.000	
6	2018603683	Nguyễn Thị Hồng Anh	2018DHQTNL02	3.47	XS	BP	2.500.000	
7	2018605142	Tạ Thị Ngọc Ánh	2018DHQTNL02	3.38	XS	BP	2.500.000	
8	2018604372	Nguyễn Thị Hồng Sen	2018DHQTNL02	3.38	XS	BP	2.500.000	
		QUẢN TRỊ VĂN PHÒNG					17.500.000	
1	2018604886	Nguyễn Thị Ánh	2018DHQTVP02	3.39	XS	BP	2.500.000	
2	2018605100	Giang Thanh Phương	2018DHQTVP02	3.23	XS	BP	2.500.000	
3	2018604599	Nguyễn Thị Ngoan	2018DHQTVP02	3.18	XS	BP	2.500.000	
4	2018604634	Nguyễn Thị Ánh	2018DHQTVP02	3.14	XS	BP	2.500.000	
5	2018604145	Dương Thanh Thảo	2018DHQTVP02	3	XS	BP	2.500.000	
6	2018602944	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2018DHQTVP02	2.91	XS	BP	2.500.000	
7	2018603219	Dương Thị Thu Trang	2018DHQTVP02	2.91	Tốt	BP	2.500.000	
		TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG					20.000.000	
1	2018600397	Dur Thị Ngọc Quyên	2018DHTCNH01	3.86	XS	TP	5.000.000	
2	2018602808	Trịnh Thu Huyền	2018DHTCNH02	3.86	XS	TP	5.000.000	
3	2018600883	Nguyễn Thị Thu Hương	2018DHTCNH01	3.79	XS	TP	5.000.000	
4	2018600685	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	2018DHTCNH01	3.71	XS	TP	5.000.000	
		NGÔN NGỮ ANH					30.000.000	
1	2018607287	Đào Thị Trang	2018DHNNAN03	3.34	Tốt	BP	2.500.000	

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TB	Điểm RL	Loại HB	Số tiền	Ký nhận
2	2018600430	Nguyễn Thị Thu Uyên	2018DHNNAN01	3.22	XS	BP	2.500.000	
3	2018607178	Đoàn Thị Ngọc Ánh	2018DHNNAN01	3.21	Tốt	BP	2.500.000	
4	2018606875	Dương Thị Mai	2018DHNNAN01	3.19	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018607365	Nguyễn Lan Phương	2018DHNNAN01	3.19	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018607152	Vũ Thị Lịch	2018DHNNAN03	3.16	Tốt	BP	2.500.000	
7	2018607222	Lê Thị Liên	2018DHNNAN03	3.16	Tốt	BP	2.500.000	
8	2018601013	Hoàng Thị Thảo	2018DHNNAN01	3.14	Tốt	BP	2.500.000	
9	2018607021	Lý Thị Thanh Thủy	2018DHNNAN02	3.09	Tốt	BP	2.500.000	
10	2018607115	Đoàn Thị Hương	2018DHNNAN03	3.09	Tốt	BP	2.500.000	
11	2018607121	Nguyễn Thị Huê	2018DHNNAN03	3.02	Tốt	BP	2.500.000	
12	2018606906	Nguyễn Thị Thùy Linh	2018DHNNAN01	3	Tốt	BP	2.500.000	
		NGÔN NGỮ HÀN QUỐC					7.500.000	
1	2018607327	Nguyễn Thị Ngọc	2018DHNNHA01	3.47	Tốt	BP	2.500.000	
2	2018607127	Bùi Thị Thanh Huyền	2018DHNNHA01	3.42	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018607064	Đặng Thanh Loan	2018DHNNHA01	3.35	Tốt	BP	2.500.000	
		NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC					17.500.000	
1	2018606883	Nguyễn Thị Thu Hiền	2018DHNNTQ01	3.65	XS	TP	5.000.000	
2	2018607013	Trần Thị Thu Hiền	2018DHNNTQ01	3.5	Tốt	BP	2.500.000	
3	2018606908	Nguyễn Ngọc Diệp	2018DHNNTQ01	3.43	Tốt	BP	2.500.000	
4	2018606918	Trịnh Thị Vui	2018DHNNTQ02	3.39	Tốt	BP	2.500.000	
5	2018607047	Khổng Quỳnh Anh	2018DHNNTQ01	3.3	Tốt	BP	2.500.000	
6	2018607022	Đoàn Thị Thúy Nga	2018DHNNTQ02	3.28	XS	BP	2.500.000	
							1.067.500.000	

Một tỷ sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HSSV

NGƯỜI LẬP

Trần Ngọc Khánh

Đỗ Thu Huyền